

các sở kế hoạch và đầu tư, sở tài chính - vật giá phối hợp chặt chẽ với sở, ban, ngành khác xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước trình Hội đồng nhân dân quyết định.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện Chỉ thị này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

CÁC BỘ

BỘ CÔNG NGHIỆP

QUYẾT ĐỊNH số 38/1998/QĐ-BCN ngày 9-6-1998 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Thanh tra Bộ Công nghiệp.

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 74-CP ngày 1-11-1995 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Công nghiệp;

Căn cứ Pháp lệnh Thanh tra ban hành ngày 1 tháng 4 năm 1990;

Căn cứ Nghị định số 244-HĐBT ngày 30-6-1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) quy định về tổ chức hệ thống thanh tra nhà nước và biện pháp bảo đảm hoạt động thanh tra;

Sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra nhà nước;

Xét đề nghị của Chánh thanh tra Bộ Công nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động Thanh tra Bộ Công nghiệp.

Điều 2. Quy chế này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế các quy chế ban hành kèm theo các Quyết định số 467/QĐ/CN Ng-TC ngày 24-10-1991 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng, số 1/NL/TCCB-TTr ngày 1-2-1992 của Bộ trưởng Bộ Năng lượng và số 287/CNN-TTr ngày 4-5-1992 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nhẹ.

Điều 3. Chánh văn phòng Bộ, Chánh thanh tra Bộ, Vụ trưởng các vụ chức năng, Cục trưởng các cục quản lý nhà nước chuyên ngành thuộc Bộ, Giám đốc các sở công nghiệp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong ngành công nghiệp có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Bộ trưởng Bộ Công nghiệp

ĐẶNG VŨ CHU

QUY CHẾ tổ chức và hoạt động Thanh tra Bộ Công nghiệp

(ban hành kèm theo Quyết định số 38/1998/QĐ-BCN ngày 9-6-1998 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Thanh tra là một chức năng thiết yếu của cơ quan quản lý nhà nước, là phương thức bảo

đảm pháp chế, tăng cường kỷ luật trong quản lý nhà nước, thực hiện quyền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm tự thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chế độ chính sách, pháp luật, nhiệm vụ kế hoạch nhà nước và các quyết định của mình, giải quyết các khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền trong phạm vi cơ quan, đơn vị.

Điều 2. Thanh tra Bộ Công nghiệp là tổ chức của Bộ Công nghiệp và nằm trong hệ thống thanh tra nhà nước, chịu sự quản lý trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và sự chỉ đạo về công tác, tổ chức, nghiệp vụ của Thanh tra nhà nước, thực hiện quyền thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền trong phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ, quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

Điều 3. Hoạt động của Thanh tra Bộ phải tuân theo pháp luật, bảo đảm chính xác, khách quan, công khai, dân chủ và kịp thời. Không một cơ quan, tổ chức, cá nhân nào được can thiệp trái pháp luật vào hoạt động của Thanh tra Bộ.

Điều 4. Các cục thực hiện chức năng quản lý nhà nước thuộc Bộ có trách nhiệm kiểm tra, thanh tra thường xuyên các đơn vị, cơ sở thực hiện đúng các chế độ, chính sách, pháp luật, nhiệm vụ kế hoạch thuộc phạm vi quản lý của mình, kiến nghị với Bộ trưởng nội dung thanh tra khi thấy cần thiết.

Điều 5. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân là đối tượng thanh tra và các tổ chức, cá nhân hữu quan có trách nhiệm thực hiện những yêu cầu, kiến nghị, quyết định về thanh tra của tổ chức thanh tra, đoàn thanh tra, thanh tra viên hoặc cơ quan quản lý cấp trên theo quy định của pháp luật. Các đối tượng thanh tra có quyền khiếu nại, giải trình với cơ quan quản lý cấp trên theo quy định của

pháp luật và Khoản 4, Điều 12, Chương IV của Quy chế này.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TỔ CHỨC CỦA THANH TRA BỘ

Điều 6. Thanh tra Bộ Công nghiệp gồm có: Chánh thanh tra, các Phó chánh thanh tra, các thanh tra viên và các cán bộ thanh tra.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Chánh thanh tra Bộ, Phó chánh thanh tra Bộ thực hiện theo Điều 2 Nghị định số 244-HĐBT ngày 30-6-1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về tổ chức hệ thống thanh tra nhà nước và biện pháp bảo đảm hoạt động thanh tra.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm thanh tra viên thực hiện theo Nghị định số 191-HĐBT ngày 18-6-1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về Quy chế thanh tra viên.

Việc sử dụng công tác viên thanh tra thực hiện theo hướng dẫn của Tổng Thanh tra nhà nước.

Thanh tra Bộ làm việc theo chế độ thủ trưởng. Chánh thanh tra Bộ chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng, đồng thời chịu trách nhiệm trước Tổng Thanh tra nhà nước về công tác thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ. Các Phó chánh thanh tra giúp Chánh thanh tra trong điều hành hoạt động của Thanh tra Bộ được Chánh thanh tra phân công phụ trách một hoặc một số lĩnh vực. Khi vắng mặt, Chánh thanh tra giao cho một Phó chánh thanh tra thay mặt điều hành công việc của Thanh tra Bộ.

Trong hoạt động thanh tra, Thanh tra Bộ được sử dụng con dấu riêng của Thanh tra Bộ.

Điều 7. Thanh tra Bộ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật của các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế,

tổ chức xã hội và công dân theo thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Công nghiệp.

Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, kế hoạch được giao của cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

2. Tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Công nghiệp giải quyết khiếu nại, tố cáo về những vấn đề thuộc thẩm quyền của Bộ Công nghiệp.

Giải quyết các khiếu nại, tố cáo mà thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ đã giải quyết nhưng đương sự còn khiếu nại, hoặc phát hiện việc giải quyết có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

3. Thực hiện những nhiệm vụ đột xuất do Tổng Thanh tra nhà nước giao.

4. Hướng dẫn, kiểm tra thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ thực hiện các quyết định của Nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

5. Tạm đình chỉ việc thi hành, sửa đổi hoặc bãi bỏ các kiến nghị, quyết định không đúng về công tác thanh tra của các cơ quan, đơn vị trong Bộ Công nghiệp.

6. Hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra cho thanh tra chuyên ngành và thanh tra các đơn vị trong Bộ Công nghiệp, phối hợp với Công đoàn công nghiệp Việt Nam hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra cho các ban thanh tra nhân dân ở các đơn vị trong Bộ Công nghiệp. Khi cần thiết, yêu cầu ban thanh tra nhân dân tiến hành kiểm tra những vi phạm của đơn vị có liên quan đến quyền lợi của người lao động hoặc yêu cầu ban thanh tra nhân dân phối hợp trong việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo.

7. Kiến nghị với Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về những nội dung công tác thanh tra. Trong trường hợp kiến nghị không được chấp nhận thì có quyền bảo lưu và báo cáo Tổng Thanh tra nhà nước.

8. Theo đề nghị của các cơ quan có liên quan hoặc xét thấy cần thiết, Chánh thanh tra Bộ

trình Bộ trưởng ra quyết định thành lập đoàn thanh tra của Bộ.

9. Căn cứ sự chỉ đạo của Thanh tra nhà nước, nhiệm vụ và chương trình công tác của Bộ Công nghiệp, các kiến nghị của các tổ chức và công dân, Thanh tra Bộ lập chương trình, kế hoạch thanh tra trình Bộ trưởng phê duyệt.

10. Thanh tra Bộ thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về công tác thanh tra với Bộ trưởng và Tổng Thanh tra nhà nước.

Điều 8. Chánh thanh tra Bộ có quyền:

1. Tạm đình chỉ việc thi hành kỷ luật, thuyên chuyển công tác của thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ đối với người đang cộng tác với tổ chức thanh tra hoặc đang là đối tượng thanh tra, nếu xét thấy việc thi hành quyết định gây trở ngại việc tiến hành thanh tra. Đối với quyết định nói trên của thủ trưởng cơ quan, đơn vị không do Bộ trưởng Bộ Công nghiệp quản lý trực tiếp thì kiến nghị cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Cảnh cáo, tạm đình chỉ công tác các cán bộ, nhân viên nhà nước, cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ cố ý gây cản trở công việc thanh tra hoặc không thực hiện các yêu cầu, kiến nghị, quyết định về thanh tra. Đối với thủ trưởng cơ quan, đơn vị không thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ trưởng thì kiến nghị với cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Ký quyết định thành lập đoàn thanh tra.

4. Thực hiện các quyền hạn khác quy định tại Điều 7 Quy chế này, tại Điều 9, Điều 14 của Pháp lệnh Thanh tra liên quan đến đối tượng thanh tra và cơ quan, đơn vị, cá nhân hữu quan trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công nghiệp.

Điều 9. Đoàn thanh tra và thanh tra viên trong quá trình thanh tra có nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của đoàn thanh tra ban hành kèm theo Quyết định số 1776 ngày 21-12-1996 của Tổng Thanh tra nhà nước.

*Chương III***TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG THANH TRA,
KIỂM TRA Ở CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ**

Điều 10. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm:

1. Tổ chức và thực hiện chế độ thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch, chính sách, pháp luật; xét và giải quyết các khiếu nại, tố cáo thuộc phạm vi trách nhiệm của đơn vị.

2. Các tổng công ty phải có tổ chức thanh tra; các đơn vị khác cần cử cán bộ đảm nhiệm công tác thanh tra. Tùy theo tình hình của đơn vị mà quyết định biên chế cán bộ thanh tra cho hợp lý.

3. Thực hiện các nhiệm vụ về tổ chức thanh tra và các yêu cầu, kiến nghị, quyết định của các tổ chức thanh tra, đoàn thanh tra, thanh tra viên hoặc cơ quan quản lý cấp trên thuộc phạm vi trách nhiệm của đơn vị mình.

4. Tạo điều kiện cho ban thanh tra nhân dân trong đơn vị mình hoạt động; xem xét giải quyết kịp thời yêu cầu, kiến nghị của ban thanh tra nhân dân theo quy định.

5. Các tổng công ty căn cứ vào Quy chế này và điều lệ tổ chức, hoạt động của tổng công ty để cụ thể hóa Quy chế tổ chức và hoạt động thanh tra cho đơn vị mình sau khi trao đổi thống nhất với Thanh tra Bộ Công nghiệp.

6. Các cục quản lý nhà nước thuộc Bộ có chức năng thanh tra chuyên ngành phải xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động thanh tra chuyên ngành của mình, cùng với Thanh tra Bộ để trình Bộ trưởng ban hành.

*Chương IV***NHỮNG BIỆN PHÁP ĐẢM BẢO VIỆC THỰC
HIỆN YÊU CẦU, KIẾN NGHỊ, QUYẾT ĐỊNH
XỬ LÝ VỀ THANH TRA**

Điều 11. Trong quá trình thanh tra, người ra

quyết định thanh tra phải thường xuyên chỉ đạo đoàn thanh tra hoặc thanh tra viên thực hiện nhiệm vụ được giao; xem xét và ra quyết định xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Việc thực hiện yêu cầu, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra:

1. Yêu cầu, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra phải ghi rõ nội dung, thời gian thực hiện; phải được thông báo công khai với đối tượng thanh tra và tổ chức liên quan.

Người ra quyết định thanh tra có trách nhiệm giám sát, kiểm tra hoặc ủy quyền cho tổ chức có khả năng giám sát, kiểm tra việc thực hiện yêu cầu, kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan, các đối tượng thanh tra phải thực hiện đúng các yêu cầu, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra theo quy định của pháp luật.

Nếu yêu cầu kiến nghị, quyết định về thanh tra không được thực hiện thì trưởng đoàn thanh tra hoặc thanh tra viên có trách nhiệm báo cáo với người ra quyết định thanh tra hoặc cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Thời hạn giải quyết 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo.

3. Trường hợp yêu cầu, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra đã được tổ chức có thẩm quyền áp dụng những biện pháp cần thiết mà cơ quan, đơn vị, cá nhân là đối tượng thanh tra vẫn không thực hiện, thì thủ trưởng cơ quan cấp trên trực tiếp quản lý đối tượng thanh tra phải áp dụng những biện pháp cần thiết buộc phải thực hiện.

Nếu đối tượng thanh tra cố ý không thực hiện hoặc thủ trưởng cấp trên quản lý trực tiếp thiếu trách nhiệm hoặc cố tình bao che thì tùy tính chất và mức độ sai phạm, sẽ áp dụng những biện pháp cần thiết như: xử lý kỷ luật, bồi thường vật chất nếu gây thiệt hại; trường hợp nghiêm trọng thì chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để xử lý.

4. Trong trường hợp đối tượng thanh tra có căn cứ để bảo đảm việc chưa nhất trí với yêu cầu, kiến

067/243
Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com
LawSoft *

ngiht, quyết định về thanh tra thì trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đối tượng thanh tra được quyền khiếu nại với cơ quan có thẩm quyền. Trong khi chờ đợi cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đối tượng thanh tra phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu, kiến nghị, quyết định về thanh tra.

Khi nhận được khiếu nại của đối tượng thanh tra đối với những yêu cầu, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra thì Bộ trưởng, Chánh thanh tra Bộ hoặc thủ trưởng cùng cấp có trách nhiệm xem xét và trả lời cho đối tượng thanh tra chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại. Trong trường hợp thủ trưởng cùng cấp đã giải quyết nhưng đối tượng thanh tra không nhất trí, thì đối tượng thanh tra được quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Đối tượng thanh tra có trách nhiệm thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định của đoàn thanh tra hoặc thanh tra viên, quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền và phải báo cáo kết quả thực hiện cho tổ chức thanh tra, đoàn thanh tra và cấp ra quyết định xử lý theo thời hạn quy định của Pháp lệnh Thanh tra (15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản).

Chương V

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA THANH TRA BỘ

Điều 14. Thủ trưởng các vụ chức năng của Bộ có trách nhiệm:

- Kiểm tra thường xuyên về nghiệp vụ quản lý và đề xuất với Bộ trưởng những nội dung, đơn vị, cá nhân cần thanh tra.

- Cử cán bộ, chuyên viên tham gia các đoàn thanh tra của Bộ, cùng với Thanh tra Bộ theo dõi, đôn đốc các đối tượng thanh tra thực hiện đúng các yêu cầu, kiến nghị, quyết định của đoàn thanh tra Bộ.

Điều 15. Thanh tra Bộ có trách nhiệm thông báo cho các vụ chức năng của Bộ những thông

tin cần thiết mà mình có về việc thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

Phối hợp với các vụ chức năng nghiên cứu trình Bộ trưởng ban hành, sửa đổi, bổ sung các chính sách, chế độ cho phù hợp với yêu cầu của công tác quản lý.

Điều 16. Thanh tra Bộ có trách nhiệm hướng dẫn về nghiệp vụ công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các cục quản lý nhà nước thuộc Bộ; chỉ đạo, phối hợp với các cục tiến hành các cuộc thanh tra liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của các cục.

Điều 17. Thanh tra Bộ có trách nhiệm hướng dẫn về nghiệp vụ công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các tổng công ty và đơn vị trực thuộc Bộ.

Điều 18. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm các cục, các tổng công ty và các đơn vị trực thuộc Bộ phải báo cáo cho Thanh tra Bộ về công tác thanh tra, kiểm tra và kết quả giải quyết các khiếu nại, tố cáo; báo cáo nhanh những vụ việc vi phạm xảy ra trong đơn vị mình mà các cơ quan pháp luật xem xét, giải quyết.

Thanh tra Bộ có trách nhiệm tổng hợp tình hình kết quả thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo để báo cáo Bộ trưởng.

Điều 19. Thanh tra Bộ hướng dẫn nghiệp vụ về công tác thanh tra chuyên ngành cho thanh tra sở công nghiệp, phối hợp với thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo thanh tra sở công nghiệp tiến hành việc xây dựng chương trình công tác thanh tra hàng năm thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật có chức năng liên quan đến quản lý nhà nước của Bộ Công nghiệp. Thanh tra sở công nghiệp thực hiện chế độ thông tin báo cáo (theo định kỳ 6 tháng, hàng năm và khi có vụ việc đột xuất) về Thanh tra Bộ Công nghiệp.

Điều 20. Thanh tra Bộ phối hợp với Công đoàn công nghiệp Việt Nam để nắm tình hình hoạt động và hướng dẫn về nghiệp vụ thanh tra cho các ban thanh tra nhân dân và đề nghị Công đoàn tham

gia giải quyết khiếu nại, tố cáo ở những đơn vị có liên quan đến quyền lợi của cán bộ công nhân viên.

Điều 21. Khi cần thiết, Thanh tra Bộ yêu cầu thì ban thanh tra nhân dân sẽ tiến hành kiểm tra những vụ việc cụ thể ở cơ quan, đơn vị mình.

Ban thanh tra nhân dân có quyền giám sát tổ chức và cá nhân là đối tượng thanh tra trong đơn vị thực hiện các yêu cầu, kiến nghị, quyết định về thanh tra.

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 22. Các tổ chức và cá nhân có thành tích trong công tác thanh tra được xét khen thưởng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Ngoài ra, căn cứ vào tính chất công việc, kết quả hoạt động thanh tra, Chánh thanh tra Bộ đề nghị Bộ trưởng ra quyết định khen thưởng cho tổ chức thanh tra và các cá nhân có thành tích trong hoạt động thanh tra.

Điều 23. Tổ chức và cá nhân nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn của tổ chức thanh tra để vụ lợi, hoặc vì động cơ cá nhân mà xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và cá nhân; cản trở hoặc mua chuộc, trả thù thanh tra viên, cộng tác viên thanh tra; trả thù người khiếu nại, tố cáo; vi phạm các quy định của Pháp lệnh Thanh tra thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Quy chế này được áp dụng trong các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công nghiệp.

Bộ trưởng Bộ Công nghiệp

ĐẶNG VŨ CHƯ

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

THÔNG TƯ số 4/1998/TT-BKH ngày 18-5-1998 hướng dẫn báo cáo quyết toán vốn đầu tư của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh tại Việt Nam.

Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 12 tháng 11 năm 1996;

Căn cứ Nghị định số 12-CP ngày 18-2-1997 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 75-CP ngày 1-11-1995 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư này hướng dẫn báo cáo quyết toán vốn đầu tư của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Phần I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh, doanh nghiệp BOT, BT, BTO (sau đây gọi là doanh nghiệp), sau khi hoàn thành xây dựng công trình hoặc hạng mục công trình đưa vào khai thác sử dụng phải báo cáo quyết toán vốn đầu tư đã thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

2. Báo cáo quyết toán vốn đầu tư của doanh nghiệp phải xác định đầy đủ, chính xác vốn đầu tư thực hiện theo từng năm, theo nguồn vốn góp, vốn vay; tổng mức vốn đầu tư xây dựng công trình đưa vào khai thác sử dụng.